

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 25 - 9 - 2018.

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng.
2. Ông Trương Phước Công.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – là thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: không tham gia.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thu E, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu E trình bày: chị và anh H chung sống với nhau vào năm 1996 có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2003. Hôn nhân do tự tìm hiểu và được hai bên gia đình chấp nhận, trong quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh H ghen tuông vô cớ, hay đánh đập dẫn đến không còn tình cảm. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nay chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về quan hệ con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1998 hiện đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nguyễn

Thị Hồng N, sinh ngày 15.02.2005, hiện đang sống với chị E. Sau khi ly hôn chị E yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: không có.

- Về quan hệ nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu H đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Hữu H không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải. Nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Nguyễn Hữu H về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Hữu H đã được tổng đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Hữu H vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Hữu H là có căn cứ.

[2] Chị Nguyễn Thị Thu E yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu H. Anh Nguyễn Hữu H có nơi cư trú tại ấp Bình Trung, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị Thu E và anh Nguyễn Hữu H xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống mâu thuẫn kéo dài do vấn đề anh H ghen tuông vô cớ, có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, anh H không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ này. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hữu H không gửi cho Tòa án ý kiến cũng như không tham gia các phiên hòa giải, nên Tòa án đã lập biên bản tiến hành hòa giải không được. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa chị Thu E và anh H không thể tiếp tục được, mâu thuẫn phát sinh nhưng cả hai không muốn hàn gắn, cuộc sống chung không tồn tại. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị E ly hôn với anh Nguyễn Hữu H là phù hợp được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1998, hiện đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 15.02.2005, hiện đang sống với anh H. Tại phiên tòa, chị E đồng ý giao con tên Nguyễn Thị Hồng N cho anh H được tiếp tục nuôi con chung, không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhung được tiếp tục chung sống với anh Nguyễn Hữu H, do đó nghĩ nên chấp nhận.

Chị Thu E không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng chị có quyền tới lui trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quan hệ tài sản chung: chị Thu E trình bày có.

[6] Về quan hệ nợ chung: ghi nhận chị E trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị E và anh H trong thời kỳ hôn nhân thì chị E và anh H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu E.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu E được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

- Về quan hệ con chung: anh Nguyễn Hữu H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 15.02.2005 cho đến tuổi thành niên và lao động được. Chị Thu E không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: chị E trình bày không có.

- Về quan hệ nợ chung: ghi nhận chị E trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị E và anh H trong thời kỳ hôn nhân thì chị E, anh H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: chị E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0019650 ngày 17.5.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị E đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Lâm Bảo Ngọc

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Lâm Sơn – Nguyễn Thị Bích Liễu

Lê Lâm Bảo Ngọc

